

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ *Doanh thu bán lẻ trái cây tại Trung Quốc đã cải thiện sau khi các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại nước này bắt đầu trở lại từ ngày 10/02/2020. Tuy nhiên, người tiêu dùng có xu hướng sử dụng các loại trái cây địa phương như táo, lê, cam, quýt...*
- ▶ *Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ dự báo sản lượng cam toàn cầu trong niên vụ 2019/20 giảm do thời tiết bất lợi.*
- ▶ *Nhập khẩu trái bơ của Nhật Bản từ Mê-hi-cô trong năm 2019 đạt 217 triệu tấn, tăng 14% so với năm 2018.*
- ▶ *Xuất khẩu hàng rau quả chịu tác động mạnh bởi Covid-19.*
- ▶ *Thị phần chủng loại quả mã HS 080405 của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản tăng mạnh.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- **Trung Quốc:** Trung Quốc thường phải nhập khẩu một số loại trái cây tươi để cung cấp cho nhu cầu tại thị trường nội địa. Tuy nhiên, do Covid-19, một số đường biên giới đã bị đóng hoặc chịu sự kiểm soát chặt chẽ, làm hoạt động nhập khẩu bị chậm lại. Hầu hết các nước châu Á có quan hệ thương mại chặt chẽ với Trung Quốc đều chịu tác động của Covid-19. Mi-an-ma là nước xuất khẩu dưa hấu lớn sang Trung Quốc, có tình trạng các xe tải chở dưa hấu bị kẹt ở biên giới. Chính quyền Mi-an-ma đang hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thị trường mới, và hỗ trợ việc kéo dài thời gian lưu trữ dưa hấu.

Xuất khẩu sầu riêng của Ma-lai-xi-a sang Trung Quốc cũng bị ảnh hưởng khi lượng đơn đặt hàng giảm. Đơn đặt hàng trái cây của Úc từ Trung Quốc cũng giảm so với thông lệ

hàng năm trong 2 tuần sau Tết Nguyên đán của Trung Quốc.

Xuất khẩu trái cây của Chi-lê sang Trung Quốc, chủ yếu là cherry, cũng chậm lại do đơn đặt hàng giảm. Chi-lê đang cố gắng chuyển hướng xuất khẩu sang các quốc gia khác trong khu vực châu Á để giảm tổn thất.

Trong khi đó, một công ty của Niu Di-lân lại nhận được nhiều đơn đặt hàng trực tuyến đối với táo hữu cơ và tình hình xuất khẩu sang Trung Quốc vẫn thuận lợi.

Tại Trung Quốc, Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến thị trường trái cây. Doanh thu bán lẻ trái cây tại Trung Quốc đã được cải thiện sau khi các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại nước này bắt đầu trở lại từ ngày 10/02/2020. Tuy nhiên, người tiêu dùng có xu hướng sử dụng các loại trái cây địa phương như táo, lê, cam, quýt...

Nhiều khu vực sản xuất tại tỉnh Quảng Tây đã dần hoạt động trở lại trong những ngày gần đây. Mặc dù giao thông vẫn bị hạn chế, nhưng thương mại đã được nối lại ở nhiều nơi tại Trung Quốc. Giá quýt Shatang tăng nhẹ so với tuần đầu tháng 02/2020. Quýt Shatang chất lượng hàng đầu từ Lệ Phố, Quế Lâm, Trung Quốc được bán với giá 3,6 NDT/kg (tương đương 0,52 USD/kg), trong khi quýt Shatang được bán với giá 3-3,4 NDT/kg (tương đương 0,42-0,48 USD/kg). Quýt Shatang chất lượng trung bình được bán với giá khoảng 2-2,8 NDT/kg (tương đương 0,28-0,4 USD/kg).

Giá quýt Orri cũng tăng 0,6 NDT/kg (tương đương tăng 0,08 USD/kg) so với trước ngày 10/02/2020. Quả quýt cao cấp từ hạt Wuming có giá hơn 8 NDT/kg (tương đương 1,14 USD/kg). Quýt hạng hai có giá 6 NDT/kg (tương đương 0,86 USD/kg). Giá cũng tăng ở các khu vực sản xuất khác. Tuy nhiên, cả cung và cầu trên thị trường vẫn ở mức thấp. Nguồn cung hạn chế do chi phí nhân công thu hoạch cao và khó tìm được lao động cho hoạt động thu hoạch. Nhu cầu thị trường cũng ở mức thấp do người tiêu dùng vẫn hạn chế hoạt động do ngại khả năng lây lan của Covid-19.

Với mặt hàng táo, dự trữ táo trong kho tại Trung Quốc đang ở mức cao kỷ lục do tác động của Covid-19. Dự trữ tăng mạnh sẽ tạo áp lực khiến các chủ kho hàng phải thúc đẩy tiêu thụ táo tồn kho. Dự trữ kéo dài sẽ khiến táo bị giảm chất lượng. Tại một số vùng, tỷ lệ táo hạng hai cao hơn 30% so với những năm trước đây. Giá táo tại Trung Quốc giảm so với những năm trước do cung vượt cầu.

- **Thổ Nhĩ Kỳ:** Adana, vùng sản xuất trái cây có múi lớn nhất tại Thổ Nhĩ Kỳ đã bị ảnh hưởng do thời tiết bất thường tại khu vực. Nhiệt độ tại khu vực giảm xuống -7 đến -15 °C trong khoảng 4 – 5 đêm khiến khoảng 70% công ty báo cáo đã bị thiệt hại nặng nề. Sau sương giá, nhiều cây đã bị bệnh phylloptosis khiến lá héo và rơi rụng.

- **Hoa Kỳ:** Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo thị trường trái cây có múi.

Cam: Sản lượng cam toàn cầu niên vụ 2019/20 dự báo giảm 5,8 triệu tấn so với niên vụ 2018/19, xuống còn 47,5 triệu tấn do sản lượng tại Bra-xin, Ai Cập, Liên minh châu Âu và Ma-rốc giảm. Do đó, sản lượng trái cây để chế biến và xuất khẩu tươi cũng được dự báo thấp hơn.

Nước cam: Sản lượng nước cam toàn cầu niên vụ 2019/20 được dự báo giảm 17% xuống còn 1,7 triệu tấn (65 độ brix) khi sản lượng của Bra-xin giảm. Tiêu thụ được dự báo ngang bằng so với niên vụ 2018/19 và thương mại toàn cầu được dự báo giảm, do nhu cầu nhập khẩu ở Hoa Kỳ giảm.

Quýt: Sản lượng quýt toàn cầu niên vụ 2019/20 được dự báo giảm 1,0% xuống còn 31,7 triệu tấn, trong đó giảm ở Liên minh châu Âu, Ma-rốc, Thổ Nhĩ Kỳ và Hoa Kỳ, mặc dù đã được bù đắp bằng mùa vụ bội thu tại Trung Quốc. Tiêu thụ và xuất khẩu dự kiến giảm.

Bưởi: Sản lượng bưởi toàn cầu trong niên vụ 2019/20 được dự báo tăng 3% và đạt 7,0 triệu tấn nhờ thời tiết thuận lợi và sản lượng tăng ở Trung Quốc, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ và Hoa Kỳ. Tiêu thụ và xuất khẩu được dự báo sẽ đạt mức cao do nguồn cung tăng.

Chanh: Sản lượng chanh toàn cầu trong niên vụ 2019/20 dự báo giảm 586.000 tấn, đạt 7,9 triệu tấn do sản xuất giảm ở Úc-hen-ti-na, Liên minh châu Âu, Thổ Nhĩ Kỳ và Hoa Kỳ.

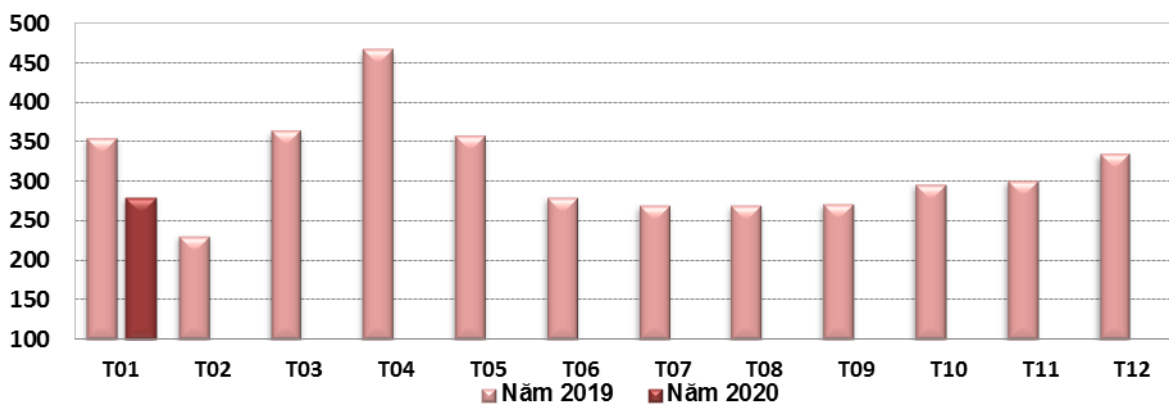
Nguồn cung có sẵn giảm, tiêu thụ toàn cầu và trái cây để chế biến đều được dự kiến sẽ giảm, tuy nhiên xuất khẩu từ Úc-hen-ti-a và Nam Phi được dự báo đạt mức cao.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 01/2020 đạt 280,79 triệu USD, giảm 20,6% so với tháng 01/2019. Xuất khẩu hàng rau

quả tháng 01/2020 giảm mạnh do trùng với dịp nghỉ Tết Nguyên đán, đặc biệt xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh còn do tác động của Covid-19.

Tình hình xuất khẩu rau quả của Việt Nam theo tháng năm 2019 - 2020
(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu hàng rau quả quan trọng của Việt Nam với tỷ trọng chiếm 64,8% tổng trị giá xuất khẩu trong năm 2019. Tháng 01/2020, trong các thị trường xuất khẩu rau quả chủ lực, Trung Quốc là thị trường có tốc độ xuất khẩu giảm mạnh thứ 2, sau Hà Lan, đạt 173,5 triệu USD, giảm 32,4% so với tháng 01/2019. Tỷ trọng xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Trung Quốc giảm từ mức 72,6% trong tháng 01/2019, xuống còn 61,8% trong tháng 01/2020.

Thông thường, hoạt động xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Trung Quốc qua các

tỉnh biên giới phía Bắc vào thời điểm trước và sau tết Nguyên đán rất sôi động, đặc biệt là mặt hàng trái cây. Tuy nhiên sau kỳ nghỉ tết Nguyên đán năm 2020, xuất khẩu trái cây Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng do Covid-19 khiến các cửa khẩu biên giới tạm thời đóng cửa.

Trước tình hình trên, ngành hàng rau quả cần chủ động điều chỉnh trong hoạt động sản xuất, trước mắt làm tốt công tác bảo quản, giảm sản lượng trái vụ, quy hoạch lại vùng trồng, điển hình như trái thanh long (đây là loại trái cây xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc lớn nhất). Bên cạnh đó,

để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản vào các thị trường khác, cần tăng sản lượng trái cây phù hợp với các tiêu chuẩn theo yêu cầu của các thị trường xuất khẩu khác như: Hoa Kỳ, các thị trường trong khối EU, Nhật Bản, Úc...

Trong tháng 01/2020 xuất khẩu hàng rau quả sang các thị trường khác như

Thái Lan, Lào, Đài Loan và Nga tăng rất mạnh.

Mặc dù xuất khẩu hàng rau quả sang các thị trường như: Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản giảm trong tháng 01/2020, nhưng tỷ trọng xuất khẩu sang các thị trường này vẫn tăng so với tháng 01/2019.

10 thị trường xuất khẩu hàng rau quả lớn nhất trong tháng 01/2020

Thị trường	Tháng 01/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 01/2019 (%)	Tỷ trọng tháng 01 (%)	
			Năm 2019	Năm 2018
Tổng	280.791	-20,6	100,0	100,0
Trung Quốc	173.570	-32,4	61,8	72,6
Thái Lan	14.092	162,2	5,0	1,5
Hàn Quốc	11.368	-1,7	4,0	3,3
Hoa Kỳ	10.933	-12,4	3,9	3,5
Nhật Bản	9.352	-8,5	3,3	2,9
Lào	7.764	416,9	2,8	0,4
Australia	4.569	5,2	1,6	1,2
Hà Lan	4.424	-38,0	1,6	2,0
Đài Loan	3.537	42,2	1,3	0,7
Nga	3.457	123,7	1,2	0,4
Thị trường khác	37.724	-5,9	13,4	11,3

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHỨNG LOẠI QUẢ MÃ HS 080450 CỦA NHẬT BẢN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu chứng loại quả ổi, xoài và măng cụt mã HS 080405 của Nhật Bản trong năm 2019 đạt 7,5 nghìn tấn, trị giá 35,7 triệu USD, giảm 2,1% về lượng, nhưng tăng 1,0% về trị giá, do giá nhập khẩu bình quân tăng 3,2 % so với năm 2018, đạt 4.740,7 USD/tấn.

Năm 2019, nhập khẩu chứng loại quả ổi, xoài và măng cụt (mã HS 080405) của Nhật Bản từ thị trường Mê-hi-cô đạt 3,36 nghìn tấn, trị giá 12 triệu USD, giảm 3% về lượng và giảm 0,2% về trị giá so với năm 2018.

Đáng chú ý, trong năm 2019 Nhật Bản nhập khẩu chứng loại quả ổi tươi hoặc khô, xoài và măng cụt tăng từ các thị trường cung



cấp chính như Thái Lan, Pê-ru, Đài Loan, Pa-ki-xtan và Việt Nam. Trong đó, đáng chú ý lượng và trị giá Nhật Bản nhập khẩu từ Việt Nam tăng rất mạnh trong năm 2019 đạt 17 tấn, trị giá 116 nghìn USD, tăng 183,3% về lượng và tăng 157,8% về trị giá so với năm 2018. Giá nhập khẩu bình quân từ Việt Nam đạt 6.823,5 USD/tấn, giảm 9,0%. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam tăng thêm 0,15 điểm phần trăm so với năm 2018. Trong

cơ cấu chủng loại quả mã HS 080405 chỉ có mặt hàng xoài của Việt Nam được phép nhập khẩu vào Nhật Bản. Đến cuối năm 2015, lô xoài Cát Chu đầu tiên được xuất khẩu vào Nhật Bản, sau 5 năm chuẩn bị hồ sơ, xây dựng quy trình xử lý dịch hại mới được phía Nhật Bản chấp thuận. Để được ưa chuộng tại thị trường Nhật Bản, chủng loại quả xoài của Việt Nam phải trải qua quy trình trồng đúng kỹ thuật và đảm bảo chất lượng.

10 thị trường cung cấp chủng loại quả mã HS 080405 cho Nhật Bản trong năm 2019

Thị trường	Năm 2019			So với năm 2018 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Năm 2019	Năm 2018
Tổng	7.535	35.721	4.740,7	-2,1	1,0	3,2	100,0	100,0
Mê-hi-cô	3.361	12.004	3.571,6	-3,0	-0,2	2,9	44,6	45,0
Thái Lan	2.096	11.222	5.354,0	2,9	5,6	2,6	27,8	26,5
Pê-ru	715	3.215	4.496,5	0,3	18,2	17,8	9,5	9,3
Đài Loan	657	5.567	8.473,4	5,3	0,4	-4,6	8,7	8,1
Phi-líp-pin	262	1.454	5.549,6	-25,6	-14,9	14,4	3,5	4,6
Bra-xin	206	1.026	4.980,6	-19,5	-22,5	-3,7	2,7	3,3
Pa-ki-xtan	117	498	4.256,4	31,5	43,9	9,5	1,6	1,2
Ấn Độ	47	193	4.106,4	-9,6	-9,0	0,7	0,6	0,7
Trung Quốc	20	73	3.650,0	-39,4	-45,5	-10,1	0,3	0,4
Việt Nam	17	116	6.823,5	183,3	157,8	-9,0	0,2	0,1
Thị trường khác	37	353	9.540,5	-46,4	-47,4	-1,9	0,5	0,9

Nguồn: ITC

Ghi chú: Mã HS 080405 gồm ổi tươi hoặc khô, xoài và măng cụt